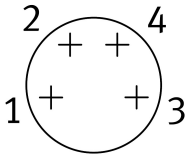


Tấm liên kết VABX-A-S-EL-E12-API-SHUH-XL

Số bộ phận: 8189593

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	1 2
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Vị trí kết nối	bên cạnh
Chống phân cực	có
Chẩn đoán theo đèn LED	Chẩn đoán trên mỗi mô-đun
Chẩn đoán thông qua liên lạc nội bộ	Nguồn cung cấp tải dưới điện áp PL Điện áp thấp Nguồn cung cấp logic PS
Lắp cụm van	Kích thước van có thể trộn lẫn
Số lượng cuộn van tối đa	128
Thông số mô-đun	Cấu hình cung cấp phụ tải giám sát điện áp PL Hành vi trong trạng thái lỗi
Tương thích với	Cụm van VTUX-A-S
Kích thước B x L x H	45,6 mm x 117,4 mm x 53,9 mm
Cầu chì (Ngắn mạch)	cầu chì điện tử bên trong mỗi kênh
Mạch bảo vệ cảm ứng	được lắp
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức điện tử/cảm biến	thường là 27 mA
Công suất tiêu thụ bên trong ở tải điện áp hoạt động danh định	thường là 13 mA
Chỉ dẫn về điện áp vận hành	Nguồn điện SELV/PELV cần thiết Lưu ý sự sụt giảm điện áp
Mức tiêu thụ năng lượng ở 24 VDC	650 mW
Nguồn cung cấp tối đa	2 x 4 A (cầu chì bên ngoài cần thiết)
Điện áp hoạt động định mức DC Điện tử/cảm biến	24 V
Điện áp hoạt động danh định DC của tải	24 V
Bắc cầu sự cố điện	10 ms
Kênh đầu ra cách ly điện - giao tiếp nội bộ	có
Cách ly điện giữa điện áp cung cấp cho thiết bị điện tử/cảm biến và tải/van	có

Đặc tính	Giá trị
Giao thức	AP
mức độ ô nhiễm	2
Điện áp dao động cho phép điện tử / cảm biến	± 25 %
Phụ tải dao động điện áp cho phép	± 10 %
Bộ nguồn, chức năng	Điện tử/cảm biến và tải đến
Nguồn điện, kiểu kết nối	Ổ cắm
Cung cấp điện, công nghệ kết nối	M8x1, được mã hóa A theo EN 61076-2-104
Cung cấp điện áp, số cực / dây	4
Dây dẫn điện áp, chức năng	Điện tử/cảm biến và tải đi
Truyền điện áp, kiểu kết nối	Ổ cắm
Dây dẫn điện áp, công nghệ kết nối	M8x1, A-được mã hóa theo EN 61076-2-104
Truyền điện áp, số cực / dây	4
Tải/Van hạ áp (thông báo chẩn đoán)	21.1 V
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	5 - 95 %
Bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp	PELV SELV
Mức độ bảo vệ	IP65
Lưu ý về mức độ bảo vệ	cổng nối không sử dụng đã đóng
Danh mục quá áp	II
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Chiều cao vận hành định mức	≤ 2000 m NHN
Độ cao tối đa	3500 m
Mô men xoắn siết tối đa gắn tường	6 N m
trọng lượng sản phẩm	150 g
Bộ điều khiển điện	Giao diện AP
Khối lượng địa chỉ tối đa Đầu ra	4 byte
Chiều dài dây dẫn tối đa	50 m
Giao diện giao tiếp, chức năng	Giao tiếp hệ thống XF10 IN / XF20 OUT
Giao diện giao tiếp, kiểu kết nối	2x ổ cắm
Giao diện giao tiếp, công nghệ kết nối	M8x1, được mã hóa D theo EN 61076-2-114
Giao diện giao tiếp, số lượng chân cắm/dây	4
Giao diện truyền thông, giao thức	AP
Giao diện giao tiếp, lớp bảo vệ	có
Đầu ra cáp	thẳng
Kiểu lắp tấm kết nối	với lỗ xuyên
Kiểu gắn	có lỗ xuyên cho vít M5
Cổng nối khí nén 1	cho khối di chuyển 15 mm
Cổng nối khí nén 5	cho khối di chuyển 15 mm
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu tấm kết nối	PA gia cố
Vật liệu phủ	PA gia cố
Vật liệu cửa phốt	NBR
Vật liệu màng	Polyester
Vật liệu măng xông	thép hợp kim không gỉ
Kẹp tải liệu	thép hợp kim không gỉ

Đặc tính	Giá trị
Vật liệu đai ốc	thép hợp kim không gỉ